

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 202/2019/DS-PT
Ngày 15/11/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Bà: Huỳnh Thị Út Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2019/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957

Địa chỉ: phường 6, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974

- Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Vào năm 2017 bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T vay số tiền 850.000.000đ, lãi suất các bên thỏa Tận miệng là 3,2% tháng. Sau vài ngày thì bà T có chuyển tiếp cho vợ chồng ông P vay thêm số tiền 100.000.000đ. Đến ngày 03/2/2018 mới làm biên nhận, hẹn đến ngày 25/8/2018 sẽ trả vốn và lãi. Đến thời gian trả nợ bà T có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông P không trả vốn lãi. Bà T khởi kiện yêu cầu ông P cùng bà T trả tiền gốc và tiền lãi tính đến tháng 10/2018 là 1.276.400.000đ (trong đó tiền gốc là 950.000.000đ, tiền lãi là 326.400.000đ). Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu vợ chồng ông P trả số tiền lãi đối với số tiền 850.000.000đ tính từ tháng 10/2017 đến ngày xét xử là 18 tháng (làm tròn) và đối với số tiền 100.000.000đ, tính từ ngày viết biên nhận là ngày 03/2/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 14 tháng (làm tròn), theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T trình bày: Vào năm 2017 ông P, bà T có hỏi vay bà T số tiền 850.000.000đ, lãi suất là 3,2%/tháng. Sau đó, vài ngày sau có vay thêm của bà T số tiền 100.000.000đ. Ông P, bà T có viết giấy nhận nợ cho bà T nhưng giấy nhận nợ này được viết sau thời điểm nhận tiền. Về số tiền lãi, thì trước đây có thỏa Tận trả lãi cho bà T mỗi tháng là 3,2%/tháng, tuy nhiên từ khi vay ông P, bà T chỉ trả được một đến hai lần tiền lãi, không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu. Từ tháng 10/2017 đến nay thì không trả lãi nữa. Đối với số tiền gốc bà T khởi kiện, ông P, bà T không đồng ý trả với lý do số tiền này dùng vào việc hùn vốn nuôi tôm với ông Nguyễn Minh H, khi nào tính xong lời lỗ với ông H sẽ trả cho bà T. Đối với phần nợ lãi nguyên đơn yêu cầu thì yêu cầu không tính lãi do không có khả năng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 15/5/2019 Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Kim T trả bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 1.089.111.000đ (trong đó nợ gốc là 950.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 139.111.000đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền (khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T có đơn kháng cáo yêu cầu được trả dần số tiền 1.089.111.000đ cho bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông P, bà T vẫn giữ nguyên nội D kháng cáo yêu cầu được trả dần số tiền 1.089.111.000đ cho bà Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX cấp phúc thẩm là đúng quy định pháp luật. Về yêu cầu kháng cáo của ông P, bà T không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có sai sót về tính án phí giá ngạch. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Đơn kháng cáo và thủ tục kháng cáo của ông P, bà T đã nộp trong hạn luật định nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội D vụ án xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T:

Năm 2017 bà Nguyễn Thị T có cho ông Nguyễn Văn P cùng vợ là bà Nguyễn Kim T vay số tiền của cả hai lần vay là 950.000.000đ, hai bên thỏa Tận lãi suất là 3,2%/tháng, hạn đến ngày 25/8/2018 sẽ trả vốn và lãi, hai bên có lập giấy tờ viết tay đề ngày 03/2/2018 (giấy này được viết sau thời gian nhận tiền), có chữ ký của ông P, bà T. Thấy rằng: Năm 2017 ông P, bà T có vay bà T tổng số tiền là 950.000.000đ, thời hạn trả nợ là ngày 25/8/2018. Đến nay đã quá thời hạn trả mà ông P, bà T không trả nên bà T khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà T chỉ yêu cầu ông P, bà T trả số tiền nợ lãi trên nợ gốc theo lãi suất quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, lãi xuất được xác định là 0,833%/tháng. Cụ thể:

Đối với số tiền nợ gốc 850.000.000đ, từ tháng 10/2017 đến ngày xét xử là 18 tháng (làm tròn) nên số tiền lãi phải trả là $850.000.000đ \times 0,833\%/tháng \times 18 tháng = 127.449.000đ$.

Đối với số tiền nợ gốc 100.000.000đ, từ ngày 03/02/2018 đến ngày xét xử là 14 tháng (làm tròn) nên số tiền lãi phải trả là $100.000.000đ \times 0,833\%/tháng \times 14 tháng = 11.662.000đ$.

Như vậy, cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn ông Nguyễn Văn P cùng vợ là bà Nguyễn Kim T phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tổng số tiền nợ gốc là 950.000.000đ và tổng số tiền nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 139.111.000đ, tổng cộng là 1.089.111.000đ. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không có đơn kháng cáo đương nhiên chấp nhận phán quyết cấp sơ thẩm đã tuyên.

Bị đơn ông P, bà T kháng cáo yêu cầu được trả dần số tiền 1.089.111.000đ mà tòa án cấp sơ thẩm buộc ông bà phải trả cho bà Nguyễn Thị T.

Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này không Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông P, bà T có thể gửi đơn đến cơ quan thi hành án để yêu cầu xem xét về việc trả nợ dần. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện ủy quyền của bà T không đồng ý với việc trả chậm như ông P, bà T kháng cáo nên không có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự giá ngạch: Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông P, bà T chịu án phí giá ngạch là 42.002.673đ là không đúng so với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lẽ ra án phí là 44.673.330đ. Do đó, HĐXX xét thấy sửa án sơ thẩm về phần án phí giá ngạch cho đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T không phải nộp, hoàn trả cho ông P, bà T mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội D kháng cáo của bị đơn về việc trả dần số tiền còn thiếu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội D kháng cáo của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Kim T về yêu cầu trả dần số tiền 1.089.111.000đ cho bà Nguyễn Thị T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm về án phí giá ngạch.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Kim T trả bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 1.089.111.000đ (trong đó nợ gốc là 950.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 139.111.000đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền (khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí giá ngạch với số tiền là 44.673.330đ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Kim T không phải chịu, hoàn trả cho ông P, bà T 600.000đ (mỗi người 300.000 đồng) theo biên lai Tiền tạm ứng án phí số 0000198 và số 0000199 cùng ngày 14/6/2019 mà ông P, bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Kế Nghiệp**